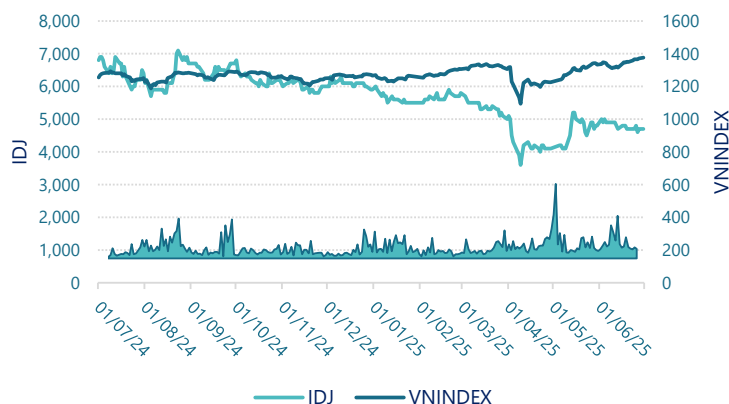


CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam (HNX: IDJ)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	173,490,193
KLGD BQ 20 phiên (CP)	619,520
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	815
P/E	16.7
EPS	281

DT thuần

Q2/25

565

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 460 | 438%

YoY: ▲ 329 | 139%

LN sau thuế

Q2/25

5.63

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.87 | -55.0%

YoY: ▼ 39.8 | -87.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.2%

+/- YoY: ▼ 23.1%

DT thuần

6T 2025

670

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 366 | 120%

LN sau thuế

6T 2025

18.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 42.6 | -70.2%

ROE

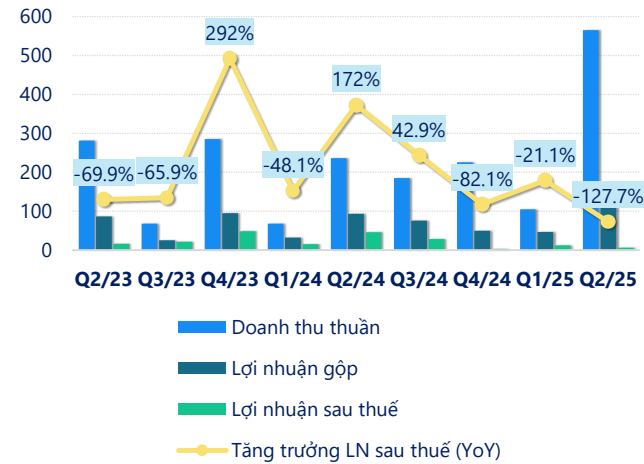
Q2/25

2.3%

+/- YoY: ▼ 4.1%

tỷ VNĐ

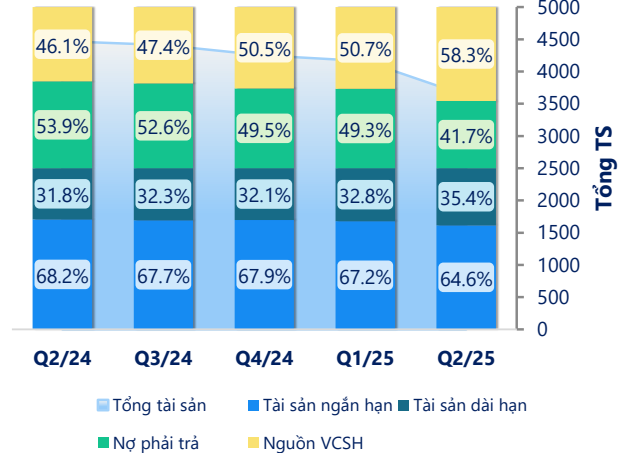
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

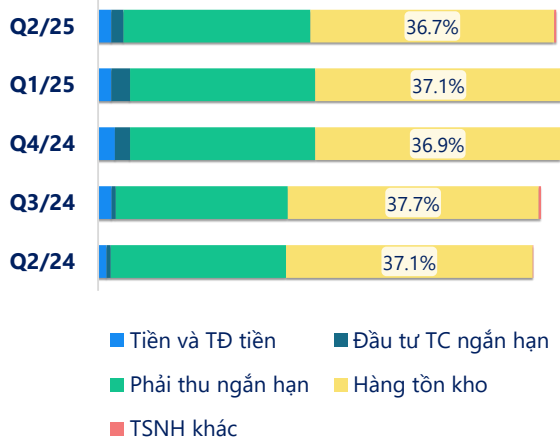
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



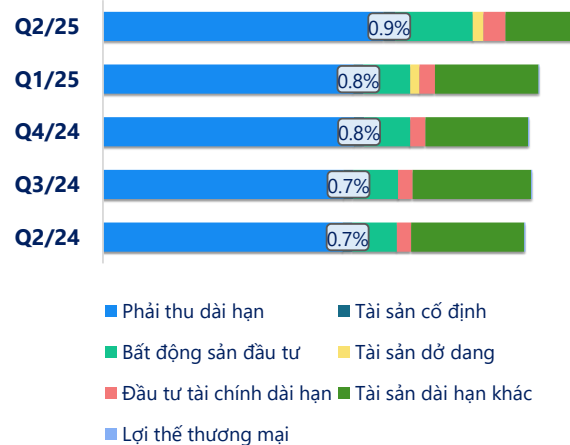
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

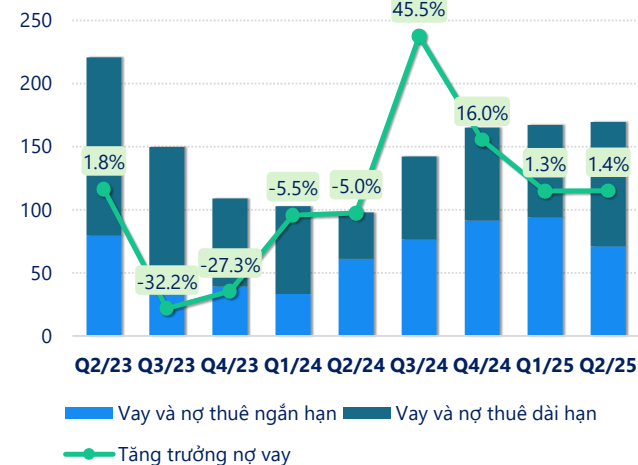
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

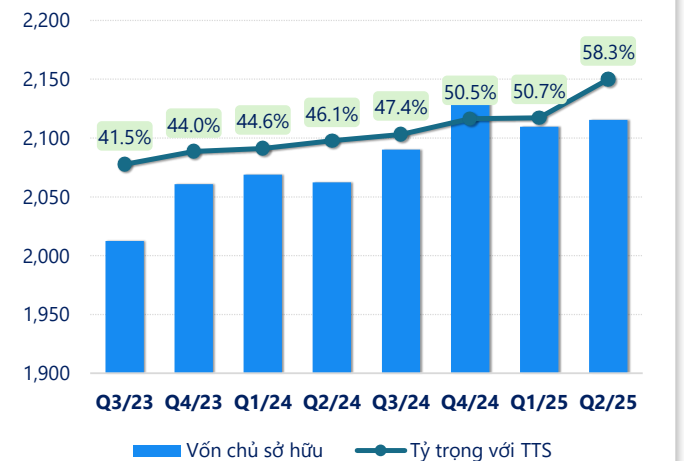
Nợ vay



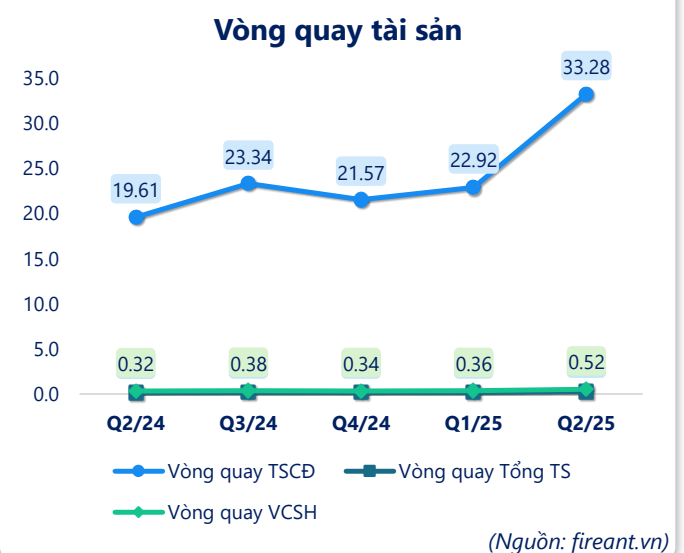
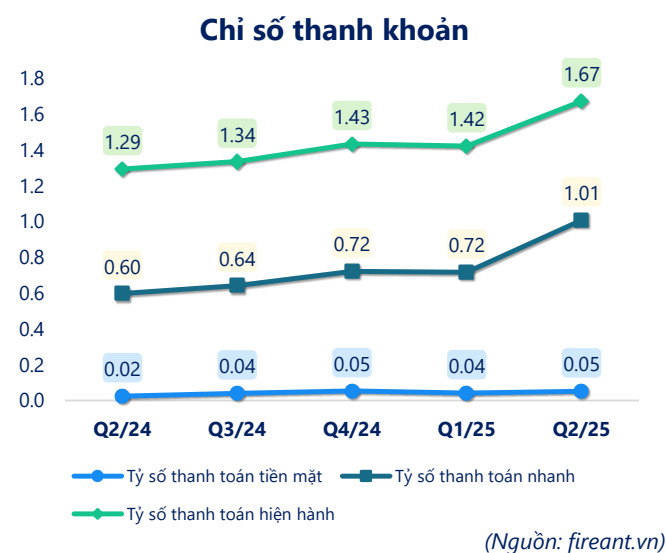
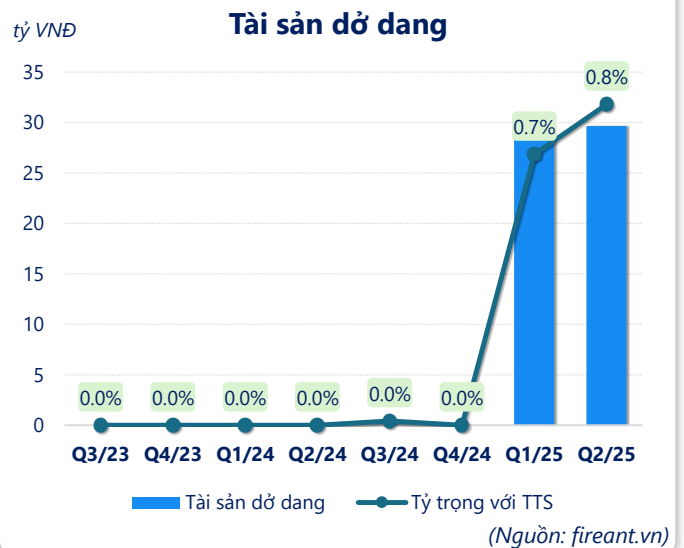
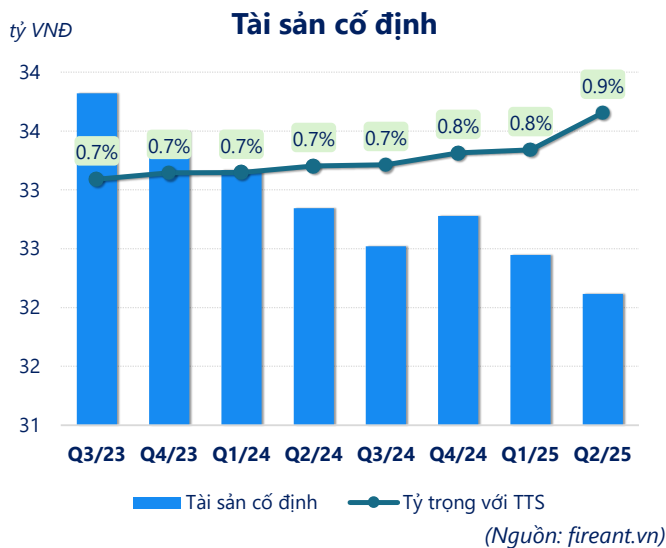
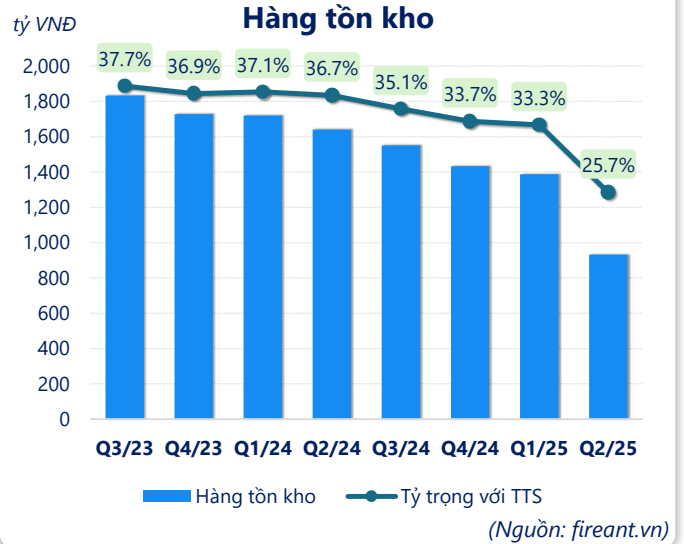
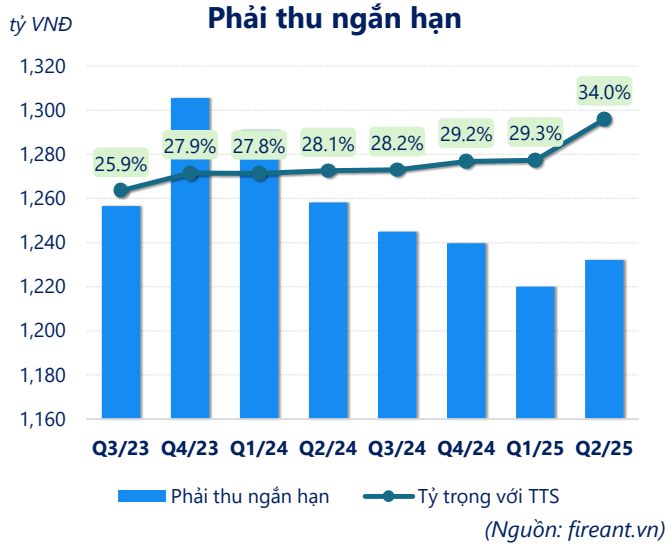
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	4,471	4,409	4,247	4,162	3,628
Tài sản ngắn hạn	3,050	2,986	2,886	2,795	2,344
Tiền và tương đương tiền	57.3	90.2	108	82.0	72.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.0	91.0	91.5	91.5	93.5
Phải thu ngắn hạn	1,258	1,245	1,240	1,220	1,232
Hàng tồn kho	1,640	1,550	1,433	1,387	932
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	9.88	13.6	14.7	13.2
Tài sản dài hạn	1,421	1,424	1,362	1,367	1,284
Phải thu dài hạn	806	798	802	784	765
Tài sản cố định	32.8	32.5	32.8	32.4	32.1
Bất động sản đầu tư	149	148	147	146	212
Tài sản dở dang	0	0.48	0	28.7	29.7
Đầu tư tài chính dài hạn	48.5	48.5	48.5	48.5	59.5
Tài sản dài hạn khác	380	392	328	325	183
Lợi thế thương mại	3.77	3.56	3.35	3.14	2.93
Nợ phải trả	2,409	2,319	2,102	2,052	1,512
Nợ ngắn hạn	2,357	2,236	2,012	1,966	1,401
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.0	76.3	91.4	93.8	71.0
Phải trả người bán ngắn hạn	420	412	424	411	408
Nợ dài hạn	51.3	82.9	90.5	85.8	112
Vay và nợ thuê dài hạn	36.8	65.9	73.6	73.4	98.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,062	2,090	2,145	2,110	2,115
Vốn chủ sở hữu	2,062	2,090	2,145	2,110	2,115
Vốn điều lệ	1,735	1,735	1,735	1,735	1,735
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)